TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 02/5/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Biên

Ông Nguyễn Thành Biên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Chính Hướng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 38/29/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX- ST ngày 27/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐ ST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Đông Giao, L, C, Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, bà Thuấn có mặt; anh D, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc nguyên đơn, chị Vũ Thị H trình bày: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn D được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2015. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên bất đồng về quan điểm sống cách và cách làm ăn phát triển kinh tế, không tôn trọng lẫn nhau. Dẫn đến cuộc sống chung xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh D không còn quan tâm gì đến chị H. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn căng thẳng nên nhiều năm nay hai bên sống ly thân, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, tại thôn Đông Giao, xã Lương Điền, huyện C, tỉnh Hải Dương để ở nhờ và sinh sống làm ăn. Còn anh D cư trú làm ăn tại xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Hai bên không còn quan tâm, chăm lo gì đến nhau nữa. Đến nay, chị H thấy vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh D để mỗi bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh D hiện không có con chung nên không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện chị H, anh D không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thủ tục tống đạt cho anh D thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên hòa giải; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng anh D đều không chấp hành việc có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, phản ánh nội dung: Chị H và anh D làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2015. Hai bên hiện sống ly thân, chị H đang làm ăn cư trú tại quê ngoại, xã Lương Điền, huyện C, tỉnh Hải Dương, còn anh D hiện đang cư trú, làm ăn sinh sống tại xã T là đúng thực tế; thời gian còn chung sống cùng nhau vợ chồng chị H, anh D không được hòa thuận hạnh phúc.

Bà Nguyễn Thị Đệ có lời khai trình bày: Anh Trần Văn D là con trai bà, do anh D bận đi làm nên bà đã thay anh D nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải của Tòa án. Bà đều đã giao lại cho anh D nhưng anh D bận làm ăn nên không đến Tòa án được. Anh D trao đổi lại với bà nội dung anh D không có ý kiến gì về việc chị H làm thủ tục ly hôn; về tài sản chung, con chung

không có gì tranh chấp trong vụ án. Bà Đ xác nhận trong thời gian anh D, chị H còn chung sống cùng nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không được hòa thuận, hai bên nhiều năm nay sống ly thân là đúng thực tế.

Bà Nguyễn Thị Thuấn có lời khai trình bày: Chị Vũ Thị H là con gái của bà, anh Trần Văn D là chồng chị H. Nhiều năm qua hai bên sống ly thân. Do vợ chồng mâu thuẫn không hòa hợp nên chị H nhiều năm nay đã bỏ về ở nhờ gia đình bà tại xã Lương Điền, huyện C, tỉnh Hải Dương. Thời gian còn chung sống cùng, vợ chồng sống không hòa thuận hạnh phúc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn D; Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh D được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2015 nên đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh D đang cư trú tại huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn và yêu cầu của chị H xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đ- ơng sự trình bày tại Toà án, cung cấp của đại diện chính quyền địa ph- ơng nơi đ- ơng sự c- trú, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình đương sự và

các tài liệu đ- ợc thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị H, anh D nhiều năm nay không đ- ợc hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết đ- ợc, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nh- ng tình trạng vợ chồng vẫn không đ- ợc cải thiện. Nhiều năm nay chị H, anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh D đã nhận đ- ợc thông báo phiên hòa giải nh- ng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh D cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh D đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt đ- ợc nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H đ- ợc ly hôn anh D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh D không có con chung nên không phải xem xét, giải quyết.

[4]Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn anh D không có mặt tại Tòa, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm để nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án. Sau này các đ- ơng sự có tranh chấp sẽ đ- ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh D không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này các đ- ơng sự có tranh chấp sẽ đ- ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. *Về án phí:* Chị Vũ Thị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002013 ngày 13/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải D- ơng. Chị H đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. □n xử công khai sơ thẩm. Toà án báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh D biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- UBND xã T;
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Anh Tuyết

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Thẩm phán

Phạm Văn Biên - Bùi Quốc Huy **Phạm Anh Tuyết**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI D□ ƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tư do - Hanh phúc

Kinh Môn, ngày 16 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1/ Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

2/ Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Ông Phạm Văn Biên

- Căn cứ vào Điều 235- Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và Gia đình đối với các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị TH**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký HKTT: Thôn An Thủy, xã Hiến Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ hiện ở: Thôn Tam Đa, xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Quyết**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn An Thủy, xã Hiến Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

***** Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử đã thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh- sau:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị TH được ly hôn anh Nguyễn Văn Quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị TH được quyền nuôi con chung là Nguyễn Văn Khang, sinh ngày 25/3/2016 và Nguyễn Bảo Linh, sinh ngày 06/8/2017;

Chấp nhận việc chị TH tự nguyện không yêu cầu anh Quyết hàng tháng phải cấp d- ỡng tiền nuôi con chung cho chị TH đến khi hai con chung tr- ởng thành (đủ 18 tuổi);

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ- ợc cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. *Về án phí:* Chị Trương Thị TH phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001786 ngày 08/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải D- ơng. Chị TH đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. □n xử công khai sơ thẩm. Toà án báo cho chị TH biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Quyết biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

.....

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ Thẩm phán
Bùi Quốc Huy - Phạm Văn Biên	**Phạm Anh Tuyết**